

**CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG**

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước;  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.**

1. Tên tổ chức: **Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ.**

- Mã chứng khoán: **TMP.**

- Địa chỉ: Khu 5, phường Thác Mơ, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

- Điện thoại liên hệ: 028.36223376 Fax: 0271.3778268.

- Email: [nabtk@tmhpp.com.vn](mailto:nabtk@tmhpp.com.vn)

2. Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ (“Công ty”) công bố Thư mời và tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025. Chi tiết tại đường dẫn: <https://www.tmhpp.com.vn/c2/pages-c/Co-dong-5.aspx>.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 05/06/2025 tại đường dẫn <https://www.tmhpp.com.vn/c2/pages-c/Co-dong-5.aspx>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- CT.HĐQT;
- Lưu: VT, TCKT.

**ĐẠI DIỆN CTCP THỦY ĐIỆN THÁC MƠ  
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**



**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC  
Nguyễn Hùng Lượng**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠ**

Giấy CNĐKDN số 3800311306 ngày 15/05/2025 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp.

Địa chỉ: Khu 5 - Phường Thác Mơ - Thị xã Phước Long - Tỉnh Bình Phước.

Điện thoại: 0271.2216308

Fax: 0271.3778268

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
THỦY ĐIỆN THÁC MƠ**

Số: 438/TM-HĐQT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bình Phước, ngày 05 tháng 06 năm 2025

**THƯ MỜI HỌP  
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025  
Kính gửi: Quý cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ trân trọng kính mời Quý cổ đông tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của đơn vị như sau:

1. Thời gian: 13 giờ 30 phút, ngày 27/06/2025.
2. Địa điểm: Hội trường Khách sạn Tân Sơn Nhất. Địa chỉ: Số 202 Hoàng Văn Thụ, Phường 9, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.
3. Chương trình và nội dung Đại hội được đăng tải trên website của Công ty theo địa chỉ “<https://tmhpp.com.vn>” vào ngày 06/06/2025.

Để công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 được thuận tiện, đề nghị Quý cổ đông đăng ký xác nhận việc tham dự Đại hội hoặc ủy quyền tham dự Đại hội về Công ty theo mẫu đính kèm trước 10 giờ 00 phút ngày 24/06/2025 qua:

- Fax: 0271.3778268.

- Email: [vanthu@tmhpp.com.vn](mailto:vanthu@tmhpp.com.vn)

- Gửi trực tiếp hoặc chuyển phát theo địa chỉ: Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ - Khu 5, Phường Thác Mơ, Thị xã Phước Long, Tỉnh Bình Phước.

Sự tham dự đầy đủ của Quý cổ đông sẽ góp phần quan trọng vào thành công của Đại hội.

Trân trọng./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT, NPTQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Huỳnh Văn Khánh**

**Ghi chú:**

- Quý cổ đông đến dự Đại hội mang theo bản chính Thư mời họp, Giấy ủy quyền (nếu được ủy quyền) và CCCD/Hộ chiếu.
- Chi phí đi lại, ăn ở trong thời gian tham dự Đại hội do cổ đông tự túc.
- Quý cổ đông về dự Đại hội có vấn đề thắc mắc xin liên hệ ông Ngô Thành Danh – Phó trưởng Phòng Hành chính và Lao động, Sdt: 0982716159 để được hỗ trợ.



**CHƯƠNG TRÌNH HỌP  
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025  
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠ**

- Thời gian tổ chức Đại hội: 13 giờ 30 phút, ngày 27/06/2025.
- Địa điểm: Hội trường Khách sạn Tân Sơn Nhất. Địa chỉ: Số 202 Hoàng Văn Thụ, Phường 9, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thời gian	Nội dung
13h30-14h00	<ul style="list-style-type: none"><li>- Đón tiếp Đại biểu và Cổ đông tham dự Đại hội.</li><li>- Kiểm tra tư cách Cổ đông.</li><li>- Lập danh sách cổ đông tham dự Đại hội và phát Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết.</li></ul>
14h00-14h10	<ul style="list-style-type: none"><li>- Chào cờ, tuyên bố lý do, giới thiệu thành phần tham dự.</li><li>- Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội.</li><li>- Giới thiệu Đoàn chủ tịch, Ban Thư ký, Ban kiểm phiếu.</li></ul>
14h10-14h15	<ul style="list-style-type: none"><li>- Thông qua Chương trình Đại hội.</li><li>- Trình bày Quy chế tổ chức Đại hội.</li></ul>
14h15-15h00	<p>Trình bày nội dung Đại hội:</p> <ol style="list-style-type: none"><li>1. Tờ trình thông qua Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 và kế hoạch năm 2025;</li><li>2. Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán;</li><li>3. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2024;</li><li>4. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2024;</li><li>5. Tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2024;</li><li>6. Tờ trình thông qua Báo cáo tiền lương, thù lao năm 2024 và dự kiến tiền lương, thù lao năm 2025 đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty;</li><li>7. Thông qua các giao dịch giữa Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ với các bên có liên quan năm 2024 và dự kiến năm 2025.</li></ol>



Thời gian	Nội dung
	8. Tờ trình lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025; 9. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.
15h00-15h30	Đại hội thảo luận.
15h30-15h45	Tiến hành biểu quyết nội dung Đại hội và bầu Thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát (nếu có): - Ban kiểm phiếu trình bày Quy định thể lệ biểu quyết và bầu cử. - Cổ đông thực hiện thủ tục biểu quyết các nội dung Đại hội và bầu Thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát (nếu có). - Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm phiếu.
15h45-16h15	Đại hội nghỉ giải lao.
16h15-16h20	Công bố kết quả kiểm phiếu.
16h20-16h25	Thông qua Biên bản, Nghị quyết Đại hội.
16h25-16h30	Tuyên bố bế mạc Đại hội.

**Nơi nhận:**

- Cổ đông;
- Lưu: VT, NPTQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Huỳnh Văn Khánh**



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠ**

Giấy CNĐKDN số 3800311306 ngày 15/05/2025 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp.

Địa chỉ: Khu 5 - Phường Thác Mơ - Thị xã Phước Long - Tỉnh Bình Phước.

Điện thoại: 0271.2216308

Fax: 0271.3778268



**PHIẾU ĐĂNG KÝ THAM DỰ ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2025**

Kính gửi: Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

Tôi tên: .....

Số CCCD/Hộ chiếu: ..... Ngày cấp: ..... Nơi cấp: .....

Địa chỉ thường trú: .....

Số điện thoại: ..... Số fax: .....

Đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ.

Số cổ phần biểu quyết là: ..... cổ phần.

(Bằng chữ: .....)

Trong đó:

• Số cổ phần sở hữu là: ..... cổ phần.

• Số cổ phần được ủy quyền: ..... cổ phần.

(Kèm theo đây: ..... Giấy ủy quyền).

Tôi cam kết sẽ chấp hành đúng các quy định của Đại hội.

....., ngày tháng năm 2025

**NGƯỜI ĐĂNG KÝ**

(Ký và ghi rõ họ tên)

**Ghi chú:** Quý cổ đông đến dự Đại hội mang theo bản chính Thư mời họp, Giấy ủy quyền (nếu là người được ủy quyền) và CCCD/Hộ chiếu.



## CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠ

Giấy CNĐKDN số 3800311306 ngày 15/05/2025 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp.

Địa chỉ: Phường Thác Mơ - Thị xã Phước Long - Tỉnh Bình Phước.

Điện thoại: 0271.2216308

Fax: 0271.3778268

### GIẤY ỦY QUYỀN

#### THAM DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

Kính gửi: Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

Họ và tên cổ đông (Người ủy quyền): .....

Mã số cổ đông: .....

Số cổ phần sở hữu: .....

Đồng ý ủy quyền cho Ông (Bà) sau đây: (chỉ ủy quyền cho một người một lần toàn bộ số cổ phần sở hữu của cổ đông).

Họ và tên (Người được ủy quyền): .....

CCCD/GPKD số:..... Ngày cấp: ..... Nơi cấp: .....

Địa chỉ thường trú: .....

Trong trường hợp cổ đông không thể tham dự và không ủy quyền được cho người khác, Quý cổ đông vui lòng ủy quyền cho thành viên HĐQT của Công ty theo danh sách sau:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần	Đánh dấu chọn
1	Ông Huỳnh Văn Khánh	CT HĐQT		
2	Ông Nguyễn Văn Non	TV HĐQT		
3	Ông Phạm Minh Trí	TV HĐQT		
4	Ông Nguyễn Quang Quyền	TV HĐQT		
5	Ông Lê Tuấn Hải	TV HĐQT		

**Lưu ý:** Vui lòng đánh dấu (X) vào cột “Đánh dấu chọn” tương ứng với tên thành viên mà Quý cổ đông chọn ủy quyền; trường hợp muốn ủy quyền cho nhiều người, Quý cổ đông ghi rõ số lượng cổ phần ủy quyền cho từng thành viên tương ứng vào cột “Số cổ phần”.

Người được ủy quyền sẽ thay mặt Người ủy quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ.

Người được ủy quyền sẽ thay mặt Người ủy quyền thực hiện các công việc sau:

- Tham gia đóng góp ý kiến những nội dung do Đại hội đề ra.
- Tham gia biểu quyết những nội dung do Đại hội yêu cầu.

Người được ủy quyền hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật và Điều lệ Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ. Giấy ủy quyền này sẽ hết giá trị khi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ kết thúc. Người được ủy quyền không được ủy quyền cho người khác.

....., ngày tháng năm 2025

**Người ủy quyền**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Người được ủy quyền**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú: Nếu Người ủy quyền hoặc Người được ủy quyền là tổ chức thì phải có chữ ký của đại diện pháp luật và dấu của tổ chức.



**TỜ TRÌNH**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025**

**Thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh – đầu tư năm 2024  
và Kế hoạch sản xuất kinh doanh – đầu tư năm 2025**

**Kính trình Đại hội đồng cổ đông**

Năm 2024 đã khép lại, Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ (TMP) trải qua 17 năm hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần, Ban lãnh đạo và CBCNV TMP đã phát huy tối đa những thế mạnh để đạt được nhiều thành tựu trong việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.

Công ty đã triển khai quyết liệt, có trọng tâm các giải pháp thực hiện hoàn thành nhiệm vụ được giao, luôn nhận được sự hỗ trợ của Cổ đông lớn và Chính quyền địa phương các cấp, Hội đồng quản trị Công ty. Ban điều hành cùng với đội ngũ CBCNV đã nỗ lực đoàn kết, phấn đấu hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra trong năm 2024.

Ban điều hành Công ty luôn nhận thức rõ trách nhiệm trước Cổ đông, mọi hoạt động của Ban điều hành luôn theo sát định hướng của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, của Hội đồng quản trị với mục tiêu đảm bảo mang lại hiệu quả cao nhất và sự phát triển bền vững của Công ty.

Trong kỳ Đại hội thường niên lần này, Đại hội sẽ đánh giá tình hình thực hiện các nhiệm vụ chủ yếu của năm 2024, định hướng và đề ra các giải pháp triển khai nhiệm vụ kế hoạch năm 2025 cho Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ.

## Phần I

### Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch năm 2024

#### A. Sản xuất kinh doanh

##### 1. Kết quả sản xuất điện

Trong năm 2024, kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty nhìn chung đều hoàn thành so với kế hoạch, cụ thể như sau::

##### 1.1. Nhà máy Thủy điện Thác Mơ

Tình hình thủy văn, lưu lượng về hồ khả quan hơn dự báo năm 2024. Tuy nhiên, để đảm bảo an ninh năng lượng cho các tháng cuối mùa khô, đồng thời thực hiện theo chỉ đạo của EVN và EVNGENCO2, Công ty đã chủ động lập kế hoạch khai thác hợp lý nhằm duy trì mực nước hồ cao vào cuối tháng 03 (tháng 01, tháng 02 và tháng 03 chạy phát vừa phải đáp ứng nhu cầu năng lượng). Bên cạnh đó, Công ty luôn bám sát thị trường, thường xuyên cập nhật tính toán, bám sát tình hình diễn biến thủy văn, dự báo lưu lượng nước về hồ Thác Mơ để lập kế hoạch khai thác tối ưu hồ chứa, đảm bảo công tác tham gia Thị trường với giá chào tối ưu và đạt doanh thu cao nhất có thể, kết quả sản xuất đạt được cụ thể như sau:

Stt	Nội dung	Đvt	Kế hoạch	Thực hiện 2024	Tỷ lệ TH/KH
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)
1	Sản lượng điện đầu cực	GWh	647,00	748,60	116%
2	Sản lượng điện giao nhận	GWh	641,72	743,10	116%
3	Lưu lượng về	m3/s	88,10	103,40	117%
4	Lưu lượng xả	m3/s	-	2,50	
5	Mực nước hồ cuối kỳ	m	216,00	216,06	

##### 1.2. Nhà máy Điện mặt trời Thác Mơ 50 MWp

Stt	Nội dung	Đvt	Kế hoạch	Thực hiện 2024	Tỷ lệ TH/KH
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)
1	Sản lượng điện đầu cực	GWh	76,00	72,03	95%
2	Sản lượng điện giao nhận	GWh	75,40	71,50	95%

Sản lượng điện sản xuất của Nhà máy Điện mặt trời Thác Mơ không đạt sản lượng thiết kế do: Nhà máy phải điều tiết cắt giảm công suất phát theo tình hình chung của hệ thống (thừa nguồn phát vào cao điểm nắng); Diễn biến thời tiết có nhiều mây, ít nắng trong mùa khô làm giảm bức xạ trong khu vực Nhà máy so với thiết kế.



**2. Kết quả kinh doanh**

**2.1. Kết quả kinh doanh TMP**

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)
1	Sản lượng điện SX	GWh	723,00	820,66	113%
2	Doanh thu	Tỷ đồng	642,17	750,28	117%
	- SXKD thủy điện	Tỷ đồng	434,34	521,38	120%
	- SXKD ĐMT	Tỷ đồng	126,28	123,03	97%
	- Hoạt động tài chính	Tỷ đồng	60,18	90,20	150%
	- Doanh thu khác	Tỷ đồng	21,37	15,67	73%
3	Chi phí	Tỷ đồng	357,39	331,43	93%
	Chi phí SXKD điện	Tỷ đồng	340,17	319,24	94%
	Chi phí khác	Tỷ đồng	17,22	12,19	71%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	284,78	418,85	147%
5	Thuế thu nhập doanh nghiệp	Tỷ đồng	42,82	66,32	155%
6	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	241,96	352,53	146%
7	Tỷ suất lợi nhuận/VĐL	%	34,60	50,36	146%

**2.2. Công tác sửa chữa thường xuyên thiết bị, công trình**

Trong năm 2024, Công ty đã triển khai thực hiện sửa chữa thường xuyên các thiết bị như sau:

Stt	Thiết bị	Kế hoạch	Thực hiện
1	SCTX tổ máy H1	03/01-01/02	03/01-26/01
2	SCBD tổ máy H1	18/05-24/05	18/05-24/05
3	Xử lý xì dầu ổ đỡ H1		26/05-28/05
4	Xử lý xì dầu ổ đỡ H1		19/06-09/07
5	SCBD tổ máy H2	22/02-28/02	22/02-28/02
6	SCBD tổ máy H2	01/06-30/06	01/7-09/07

**3. Tình hình nộp ngân sách Nhà nước**

Đvt: tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024	Tỷ lệ TH/KH
1	Thuế giá trị gia tăng	44,85	45,25	101%
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	42,82	66,23	155%

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024	Tỷ lệ TH/KH
3	Thuế tài nguyên	64,41	75,52	117%
4	Phí môi trường rừng	23,11	26,77	116%
5	Phí cấp quyền khai thác TNN	8,35	8,35	100%
6	Tiền thuê đất	1,50	1,56	104%
7	Thuế khác (TNCN, môn bài...)	2,50	6,05	242%
<b>Tổng cộng</b>		<b>187,53</b>	<b>229,71</b>	<b>122%</b>

#### 4. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	KH 2024	TH 2024	Đánh giá
1	Hệ số khả dụng	%	89,46	90,90	Đạt
2	Tỷ lệ ngừng máy do sự cố	%	0,40	0	Đạt
3	Tỷ lệ ngừng máy bảo dưỡng	%	10,14	9,10	Đạt
4	Suất sự cố		0,5	0	Đạt
5	Tỷ lệ điện tự dùng	%	0,83	0,69	Đạt

#### 5. Giá cổ phiếu và tỷ lệ chi trả cổ tức

##### 5.1 Giá cổ phiếu

Giá cổ phiếu của Công ty có xu hướng tăng qua các năm, biểu đồ giá cổ phiếu của Công ty từ ngày 01/04/2009 đến ngày 01/04/2025 như sau:

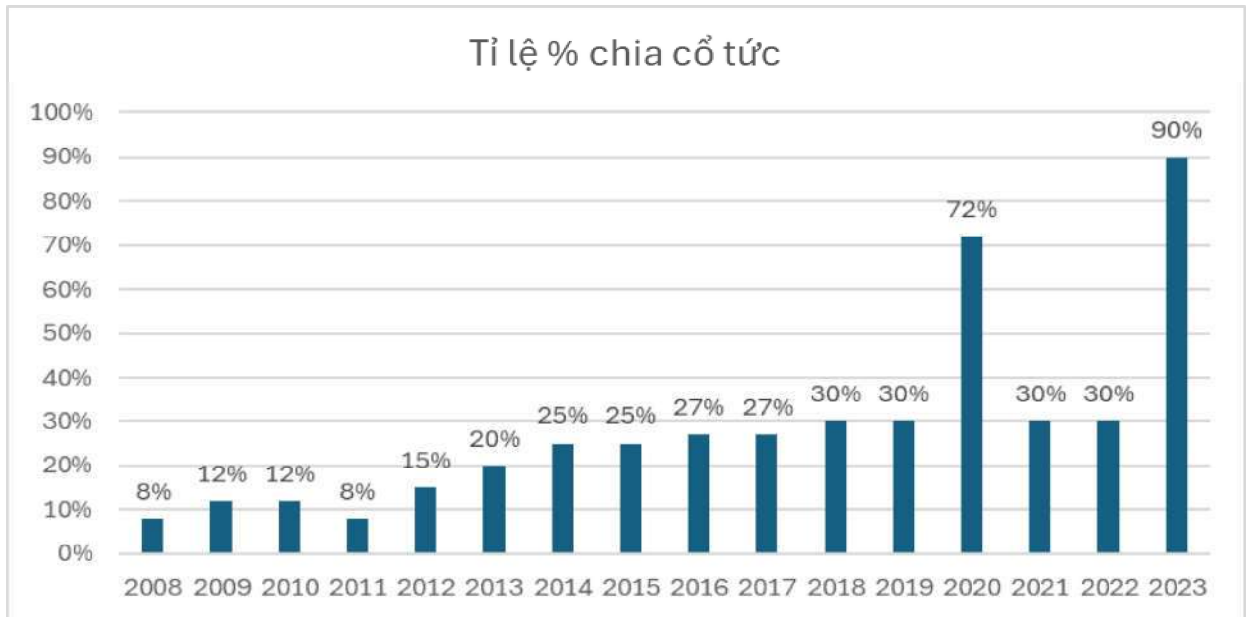


Nguồn: <https://s.cafef.vn/>

##### 5.2 Tỷ lệ chi trả cổ tức

Tỷ lệ chi trả cổ tức trung bình từ năm 2008-2023 là 29% và có xu hướng tăng qua các năm, cụ thể theo biểu đồ dưới đây:





## B. Đầu tư mua sắm tài sản

Stt	Hạng mục	Thực hiện 2024
1	Thiết bị thử nghiệm điện trở 01 chiều	Đã hoàn thành
2	Fly cam trang bị Camera nhiệt	Đã hoàn thành
3	Modul mở rộng của Hộp bộ thí nghiệm cao áp tần số thấp thử nghiệm PD cáp ngầm trung thế	Đã hoàn thành
4	Thiết bị đo điện trở động OLTC	Đã hoàn thành
5	Thiết bị mở rộng CP-TD15 và cuộn kháng CP-CR600 dùng đo tan MF	Đã hoàn thành
6	Lắp hệ thống chống sét chủ động CNN, Đập tràn	Đã hoàn thành
7	Thiết bị thử cao áp ALT-210/50F và phụ kiện tiêu chuẩn kèm theo	Đã hoàn thành
8	Máy đo điện trở tiếp đất & điện trở suất đất	Đã hoàn thành
9	Nâng cấp hệ thống điện 220 VDC	Đã hoàn thành
10	Thiết bị giám sát phóng điện cục bộ mát phát (01 tổ máy)	Đã hoàn thành
11	Thiết bị giám sát rung đảo máy phát (01 tổ máy)	Đã hoàn thành
12	Thiết bị phát sóng WIFI Chuẩn AC	Đã hoàn thành
13	Thiết bị Hội nghị truyền hình (trang bị phòng họp B Vp HCM)	Đã hoàn thành
14	Hệ thống phân tán sét và tiếp địa trạm 110kV	Đã hoàn thành
15	Xe ô tô 7 chỗ	Đã hoàn thành
16	Xe ô tô 19-20 chỗ Dcar Limousin	Đã hoàn thành

### C. Ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số

Trong năm 2024, Phần mềm Quản lý kế hoạch và phần mềm quản lý kinh doanh thị trường điện do các Cán bộ của Công ty xây dựng và phát triển đã được Tập đoàn Điện lực Việt Nam công nhận là sáng kiến cấp Tập đoàn, Công ty đang tiếp tục triển khai các đề tài sau:

Stt	Hạng mục	Thực hiện năm 2024
1	Phần mềm Dự báo lưu lượng về hồ (ứng dụng công nghệ AI vào phần mềm dự báo lưu lượng nước về hồ TĐ Thác Mơ)	Đã ký hợp đồng
2	Nâng cấp Hệ thống Camera analog giám sát hiệu quả thiết bị công trình	Đã ký hợp đồng
3	Ứng dụng chạy trên IOS và Android phần mềm phục vụ SXKD giai đoạn 1	Đã hoàn thành
4	Phần mềm Quản lý vật tư thiết bị bằng công nghệ mã vạch	Đã hoàn thành
5	Số hóa hồ sơ lưu trữ thư viện	Chuyển tiếp năm 2025

### D. Đầu tư xây dựng

#### 1. Cụm dự án ĐMT Thác Mơ 375MWp - Giai đoạn 2

Cụm dự án đã được đưa vào danh sách các dự án tiềm năng của Quy hoạch điện VIII. Tại Quyết định số 1489/QĐ-TTg ngày 24/11/2023 về Quy hoạch tỉnh Bình Phước thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn 2050, dự án đã được đưa vào giai đoạn năm 2021-2030.

#### 2. Nhận chuyển giao Nhà máy Thủy điện Thác Mơ mở rộng

Dự án đã được phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành theo Quyết định số 1614/QĐ-EVN ngày 19/12/2018 của EVN với tổng giá trị đầu tư được quyết toán là 1.046 tỷ đồng. TMP đã thực hiện tốt công tác đào tạo, bố trí lực lượng vận hành hợp lý, xây dựng quy trình vận hành bảo dưỡng, làm chủ công tác vận hành an toàn, ổn định đảm bảo theo yêu cầu của Điều độ A0. Công ty đang tiếp tục làm việc và bám sát các Ban của EVN để sớm có chủ trương về chuyển giao Nhà máy theo quy định.

Căn cứ vào Kế hoạch triển khai Đề án tái cơ cấu lại EVN giai đoạn đến hết năm 2025 ban hành kèm Quyết định số 179/QĐ-HĐTV ngày 19/11/2024 thì: Đối với nhà máy Thủy điện Thác Mơ mở rộng tiếp tục duy trì quản lý vận hành NMTĐ Thác Mơ MR trong thời gian tới; trước mắt tổ chức quản lý vận hành NMTĐ Thác Mơ MR theo Quy định (Bao gồm việc thuê đơn vị vận hành NMTĐ Thác Mơ MR). Do đó, trong năm 2024 chưa chuyển Thủy điện Thác Mơ MR về TMP.

#### 3. Các dự án nguồn điện khác

Công ty đã thực hiện các thủ tục đánh giá hiệu quả đầu tư các nhà máy Thủy điện



như: Dự án Thủy điện Đức Thành (40MW), Nhà máy thủy điện Đambri 1 công suất 7,5MW; Thủy điện Pleikeo công suất 10,5MW; Thủy điện Pleikan 17MW

**4. Văn phòng làm việc Tp.Hồ Chí Minh**

Nhằm đáp ứng được các mục tiêu phát triển mới của Công ty. Tạo điều kiện phát triển nguồn nhân lực cũng như thu hút lao động chất lượng cao. Công ty đã thuê và khai trương văn phòng làm việc tại Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 19/05/2022 tại tầng 08, tòa nhà Etown 1, đường Cộng Hòa, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh. Hiện tại, Công ty đang lập kế hoạch triển khai các thủ tục đầu tư văn phòng làm việc tại Tp. Hồ Chí Minh để trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

**E. Đầu tư góp vốn**

Trong năm 2024, Công ty không có phát sinh đầu tư góp vốn. Giá trị đầu tư góp vốn vào các Công ty đến hết năm 2024 như sau:

*Đvt: Tỷ đồng*

Stt	Tên công ty	Vốn góp đến hết 2024	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ chia cổ tức (%)
<b>I</b>	<b>Công ty con</b>			
1	CTCP Thủy điện Đắkrosa	48,93	61,17%	18,0%
2	CTCP Mỹ Hưng Tây Nguyên	137,20	99,78%	8,0%
<b>II</b>	<b>Công ty liên kết</b>			
1	CTCP Phong điện Thuận Bình	100,00	20,00%	30,0%
2	CTCP Đầu tư khai thác Hồ ĐĐ Thác Mơ	1,16	29,00%	-
<b>III</b>	<b>Đầu tư dài hạn khác</b>			
1	Công ty CP Nhiệt điện Quảng Ninh	149,58	3,00%	17,5%
2	Công ty CP Cơ điện điện lực Đồng Nai	1,28	10,00%	7,0%
<b>Tổng cộng</b>		<b>438,15</b>		

**F. Công tác khác**

**I. Công tác tổ chức và nhân sự**

- Về lao động: Tính đến 31/12/2024, số lượng CBCNV Công ty là 114 người (gồm TMHH và TMMR). Trong năm, TMP không thực hiện tuyển dụng lao động sản xuất điện theo chỉ đạo của EVNGENCO2 tại Văn bản số 1283/EVNGENCO2-TCNS+TH+KH ngày 3/4/2024.

- Về cán bộ: Trong năm 2024, TMP đã thực hiện kiện toàn các vị trí như sau:

- ✓ Kéo dài thời hạn giữ chức vụ: 01 người (01 Phó Tổng giám đốc).
- ✓ Bổ nhiệm lại Phó Trưởng đơn vị: 02 người (01 PTP.TCKT; 01 PQĐ.PXVH).

✓ Cử lại Người đại diện phần vốn tại Công ty con, Công ty liên kết: 02 người (01 Người đại diện tại Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình và 01 Người đại diện tại Công ty Cổ phần Cơ điện - Đồng Nai) .

✓ Thực hiện chuyển đổi vị trí công tác: 02 người (01 PTP.KTAT; 01 PTP.KHVT)

✓ Bổ nhiệm lại Người phụ trách Quản trị kiêm Thư ký Công ty: 01 người

Ngoài ra, TMP còn thông qua chủ trương bổ nhiệm lại 01 Kế toán trưởng tại Công ty Cổ phần Thủy điện Đắkrosa.

## **II. Đào tạo phát triển nguồn nhân lực**

Năm 2024, Công ty đã hoàn thành chỉ tiêu về đào tạo do Công ty mẹ giao. Cụ thể Công ty đã tổ chức, cử CBCNV tham gia đào tạo đạt 3.653 lượt người tham gia với tổng chi phí 1,37 tỷ đồng, trong đó:

❖ Các khóa ngắn hạn do Công ty mẹ tổ chức có 1.417 lượt người tham gia, cụ thể:

✓ Các khóa học ngắn hạn, dài hạn do Công ty tổ chức: 1.364 lượt, gồm các lớp như An toàn vệ sinh lao động; đào tạo nội bộ về công tác vận hành, sửa chữa thiết bị trong nhà máy điện; đào tạo nâng bậc, thi nâng bậc; đào tạo giữ bậc; PCCC; Sơ cấp cứu ban đầu ; Quản trị công ty ; Giảng viên nội bộ; ....

✓ Các khóa học do Công ty mẹ tổ chức: 53 lượt, gồm lớp Quản lý cấp 3, cấp 4; Thị trường bán buôn điện cạnh tranh; Điều phối viên RCM; Luật đấu thầu; Ứng dụng trí tuệ nhân tạo phục vụ thiết kế xây dựng thẩm tra bài giảng E-learning và Microlearning; An ninh mạng; Trực quan hóa dữ liệu – Data Visualization; Quản lý dữ liệu lớn - Bigdata; Pháp chế; Khóa đào tạo về Thị trường điện; Khóa đào tạo, tập huấn về cơ chế DPPA.

✓ Tổ chức đào tạo trên phần mềm E-elearning: Công ty đã tạo bài giảng, tổ chức học trên phần mềm E-elearning với 2.236 lượt CBCNV tham gia đạt yêu cầu; các khóa đào tạo như: Hướng dẫn đánh giá năng lực; Văn hóa an toàn ; Hướng dẫn sử dụng các hàm thông dụng trong Excel; Đào tạo nhận thức An toàn An ninh thông tin; Các nội dung sinh hoạt đầu giờ khi bắt đầu công việc để đảm bảo an toàn; Nhận thức về chuyển đổi số cho CBCNV ngành Điện; Phổ biến Văn hóa doanh nghiệp EVN; Huấn luyện sơ cứu, cấp cứu tại nơi làm việc;,... Năm 2024, số lượt trung bình của Công ty đạt 19,79 lượt/người, vượt chỉ tiêu do Công ty mẹ giao.

- Đặc biệt trong năm, cử 04 cán bộ tham gia tập huấn, học tập tại nước ngoài: Chương trình HĐQT quốc tế tại Singapore 02 cán bộ; Hội nghị khách hàng về giải pháp công nghệ tại Indonesia 01 cán bộ; tham gia học bổng ngắn hạn Manaaki New Zealand - Quản lý dự án năng lượng tái tạo ASEAN 2024-2025 01 cán bộ.

### III. Công tác truyền thông

Trên cơ sở Kế hoạch truyền thông của EVN/EVNGENCO2 đã ban hành, TMP đã xây dựng kế hoạch truyền thông cụ thể, phù hợp bám sát kế hoạch năm 2024 của TMP và nhiệm vụ Chủ đề năm.

Công tác thông tin tuyên truyền về hoạt động được TMP quan tâm thực hiện, bám sát các vấn đề quan tâm của dư luận và đạt được một số kết quả tích cực.

Tăng cường phối hợp, hợp tác với các cơ quan thông tấn báo chí, chủ động cung cấp thông tin nên đã từng bước định hướng được dư luận, hạn chế thông tin bất lợi. Trong năm 2024, không để xảy ra khủng hoảng truyền thông.

Công tác tuyên truyền, phối hợp với các địa phương ở hạ du trong việc điều tiết nước mùa khô, cũng như cảnh báo sớm việc vận hành xả nước điều tiết trong mùa mưa bão được đặc biệt chú trọng thực hiện nhằm giúp người dân hiểu rõ hơn về vai trò tích cực của Nhà máy Thủy điện. Mặt khác, nhờ có sự quan tâm sát sao của các cấp Lãnh đạo và sự linh hoạt, chủ động, tuân thủ nghiêm các quy trình điều tiết hồ chứa của lực lượng vận hành đã góp phần giảm mặn trong mùa khô và cắt lũ trong mùa mưa. Qua đó, tạo được sự chia sẻ, đồng thuận của các tầng lớp nhân dân và được Quốc hội, các bộ ngành, các cấp chính quyền địa phương đánh giá cao trong công tác vận hành hồ chứa thủy điện.

Số liệu về tin bài đăng trên Website Công ty, Website EVNGENCO2 và cơ quan thông tấn báo chí năm 2024 là 292 tin bài, trong đó tin bài theo hợp đồng truyền thông với các cơ quan báo chí là 80 tin bài, vượt chỉ tiêu so với kế hoạch EVNGENCO2 giao, cụ thể như bảng sau:

Stt	Nội dung	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ	Ghi chú
1	Tổng số tin bài theo Hợp đồng truyền thông năm 2024	58	80	138%	Tổng 80 tin bài, trong đó đăng trên Kênh 01, 02 là 78 bài
	Trong đó:				
	- Đăng trên kênh 01 ít nhất là	15	18	120%	
	- Đăng trên kênh 02 ít nhất là	15	60	400%	
	- Đăng trên kênh 03		2		
2	Tổng số tin bài về CDS	6	8	133%	

### IV. Công tác an sinh xã hội

Công tác an sinh xã hội cũng là một trong các công tác trọng tâm luôn được TMP chú trọng thực hiện tốt nhằm thực thi trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. Năm 2024, Công ty đã thực hiện các chương trình an sinh xã hội với tổng giá trị là 798 triệu đồng với các hoạt động an sinh xã hội nổi bật như:

- Hỗ trợ đồng bào nghèo trên địa bàn tỉnh Bình Phước đón tết Nguyên đán;
- Hỗ trợ công tác an sinh xã hội tại huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước: Lắp đặt 01 hệ thống lọc nước RO tại Trường phổ thông Dân tộc Nội trú THCS và THPT Điều Ong ở thị trấn Đức Phong; Thăm hỏi và tặng quà 01 Mẹ Việt Nam Anh hùng, 85 thương binh nặng và 80 hộ đồng bào khó khăn.
- Hỗ trợ công tác an sinh xã hội tại thị xã Phước Long và huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước: Lắp đặt 02 hệ thống lọc nước RO công suất 300 lít/giờ phục vụ cán bộ, chiến sĩ, giáo viên, học sinh, đồng bào dân tộc thiểu số tại Trường Mẫu giáo Ánh Dương, huyện Bù Gia Mập và Ban Chỉ huy Quân sự thị xã Phước Long; Thăm hỏi và tặng quà Mẹ Việt Nam Anh hùng, thương bệnh binh và học sinh khó khăn.
- Hỗ trợ đồng bào miền Bắc bị bão lũ.

Ngoài ra, Công đoàn Công ty còn thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội như: Thăm hỏi và tặng quà cho các gia đình thương binh, chính sách nhân dịp Tết cổ truyền và Ngày kỷ niệm Thương binh Liệt sĩ; Vận động CBCNV đóng góp để ủng hộ cho CBCNV có hoàn cảnh khó khăn điều trị bệnh hiểm nghèo, qua đó thể hiện tinh thần tương thân tương ái, một truyền thống quý báu của dân tộc

## **V. Công tác thi đua khen thưởng**

Quán triệt các chủ trương, đường lối của Đảng, các chính sách pháp luật của Nhà nước, Chính quyền và Công đoàn Công ty đã phát động phong trào thi đua thực hiện thắng lợi nhiệm vụ năm 2024, TMP luôn xác định công tác, thi đua khen thưởng là nhiệm vụ quan trọng, liên tục và kịp thời ban hành văn bản hướng dẫn công tác Thi đua - Khen thưởng cho phù hợp với tình hình thực tế. Qua việc khen thưởng kịp thời và nhân rộng các tấm gương điển hình tiên tiến, TMP đã góp phần tăng thêm nhận thức của cán bộ, người lao động trong việc nâng cao năng suất lao động, sáng tạo vì mục tiêu phát triển chung của TMP.

Năm 2024, Công ty đạt danh hiệu Cờ thi đua EVN, có 10 tập thể đạt danh hiệu tập thể lao động xuất sắc, 20 chiến sỹ thi đua cơ sở, có 05 tập thể và 18 cá nhân được đề xuất từ Giấy khen của EVNGENCO2 trở lên, cụ thể:

- ✓ Cờ thi đua EVN: Tập thể Công ty 01;
- ✓ Bằng khen của UBQLV: Cá nhân: 07;
- ✓ Bằng khen của EVN: Tập thể: 01, Cá nhân: 01;
- ✓ Giấy khen của EVNGENCO2: Tập thể: 04, Cá nhân: 10;
- ✓ Tập thể lao động xuất sắc: Tập thể: 10;
- ✓ Chiến sỹ thi đua cơ sở: 20 người.

Thường xuyên phối hợp công đoàn và các phòng ban đề xuất xét tặng khen thưởng kịp thời cho các tập thể, cá nhân có thành tích trong các hoạt động SXKD, xây



dựng và phát triển Công ty, như hoạt động phát huy sáng kiến, công tác bảo hộ lao động, duy trì hệ thống quản lý chất lượng ISO, xây dựng VHDN, v.v...; Thực hiện khen thưởng CBCNV các dịp lễ tết và tổ chức xét thi đua khen thưởng tổng kết năm đúng quy định.

## **PHẦN II**

### **KẾ HOẠCH NĂM 2025**

Căn cứ vào tình hình thực hiện kế hoạch năm 2024, tình trạng thiết bị, công trình và các nhận định về khí tượng thủy văn của Đài khí tượng thủy văn Quốc gia để xây dựng kế hoạch năm 2025 như sau:

#### **➤ Về tình hình thời tiết**

Căn cứ vào bản tin dự báo thời tiết mùa từ tháng 04 đến tháng 09/2024 (bản tin số 142/KTHM-03/12h00/DBQG-DBKH, ngày 14/03/2025) và bản tin dự báo thời tiết tháng 04 (từ ngày 01 đến ngày 30/04), theo đó:

- Hiện tượng El-Nino đang trong trạng thái trung tính với chuẩn sai nhiệt độ mặt nước biển khu vực xích đạo trung tâm Thái Bình Dương ở mức xấp xỉ so với TBNN trong tuần đầu tháng 3/2025. Từ tháng 4 đến tháng 6/2025, ENSO có khả năng duy trì trạng thái trung tính với xác suất từ 70-80%.

- Nắng nóng: Nắng nóng diện rộng có khả năng xuất hiện tại khu vực Tây Nguyên và Nam Bộ từ tháng 4/2025, muộn hơn so với TBNN, với số ngày nắng nóng ít hơn so với cùng kỳ năm 2024. Ở phía Tây Bắc Bộ và khu vực vùng núi thuộc Bắc-Trung Trung Bộ trong tháng 4/2025, cường độ nắng nóng ít gay gắt hơn so với cùng kỳ năm 2024; từ tháng 5/2025, nắng nóng có khả năng gia tăng trên toàn khu vực Bắc Bộ và Trung Bộ.

- Bão/ATNĐ: Từ tháng 4-6/2025, bão/ATNĐ hoạt động trên khu vực Biển Đông và ảnh hưởng trực tiếp đến đất liền tương đương với mức TBNN (TBNN: Trên Biển Đông: 1,8 cơn, đổ bộ vào đất liền: 0,3 cơn).

- Lượng mưa: TLM trong tháng 4/2025 cao hơn so với TBNN từ 5-10mm (TLM phổ biến 60-100mm, riêng Nam Tây Nguyên phổ biến 100-180mm, có nơi cao hơn). Tháng 5/2025, TLM phổ biến cao hơn 5-15% so với TBNN cùng thời kỳ (TLM phổ biến từ 150-250mm, có nơi cao hơn). Tháng 6/2025, TLM ở mức xấp xỉ so với TBNN cùng thời kỳ (TBNN: Tháng 6 phổ biến 200-300mm, có nơi cao hơn).

#### **➤ Về tình hình phụ tải hệ thống**

Theo dự thảo chỉ thị của Thủ tướng chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2025, theo đó kế hoạch phát triển KTXH năm 2025 xây dựng trong bối cảnh khó khăn và thuận lợi đan xen. Tình hình thế giới tiếp tục biến động phức tạp, khó lường. Kinh tế và thương mại toàn cầu dự báo tiếp tục phục hồi nhưng còn tiềm ẩn nhiều rủi ro, thách thức. Trong nước, tình hình chính trị - xã hội và kinh tế vĩ mô tiếp

tục ổn định, các cân đối lớn được đảm bảo; niềm tin của cộng đồng doanh nghiệp và người dân ngày càng tăng lên.

Với mục tiêu đảm bảo vận hành ổn định, an toàn, liên tục các Nhà máy; Khai thác, điều tiết tối ưu hồ chứa tuân thủ các quy trình, quy định, tăng tối đa doanh thu khi tham gia thị trường điện. Công ty đã xây dựng kế hoạch năm 2025 trên cơ sở đã được các cấp thẩm có quyền thông qua và bám sát theo kế hoạch trung hạn, cụ thể như sau:

## A. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025

### I. Mục tiêu

1. Phân đầu hoàn thành sản lượng và doanh thu.
2. Phân đầu hoàn thành mục tiêu các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật.
3. Phân đầu vận hành ổn định, an toàn, liên tục các Nhà máy điện của Công ty.

### II. Kế hoạch cụ thể

#### 1. Kế hoạch sản xuất điện

*Đvt: triệu kWh*

Stt	Chỉ tiêu	KH 2025		
		Thủy điện	ĐMT	Tổng
1	Sản lượng điện sản xuất	663	69	732
2	Sản lượng điện thương phẩm	658	69	727

#### 2. Kế hoạch kinh doanh

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch 2025
<b>1</b>	<b>Sản lượng điện SX</b>	<b>GWh</b>	<b>732</b>
1.1	Thủy điện Thác Mơ	GWh	663
1.2	Điện mặt trời	GWh	69
<b>2</b>	<b>Doanh thu</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>703,46</b>
	- SXKD thủy điện	Tỷ đồng	467,46
	- SXKD ĐMT	Tỷ đồng	120,27
	- Hoạt động tài chính	Tỷ đồng	91,01
	- Dịch vụ, khác	Tỷ đồng	24,72
<b>3</b>	<b>Chi phí</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>362,72</b>
	- Chi phí SXKD	Tỷ đồng	346,68
	- Chi phí khác	Tỷ đồng	16,04
<b>4</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>340,74</b>
<b>5</b>	<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>50,85</b>
<b>6</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>289,89</b>
<b>7</b>	<b>TSLN/VĐL</b>	<b>(%)</b>	<b>41,4%</b>

### 3. Các chỉ tiêu kinh kế kỹ thuật

#### 3.1. Các chỉ tiêu kỹ thuật

Stt	Nội dung	Đvt	Kế hoạch 2025
1	Hệ số khả dụng	%	87,41
2	Tỷ lệ ngừng máy do sự cố	%	0,40
3	Tỷ lệ ngừng máy bảo dưỡng	%	12,19
4	Suất sự cố		0,50

#### 3.2. Lịch sửa chữa các tổ máy

Stt	Nội dung	Thời gian sửa chữa	Số ngày
1	SCBD khối tổ máy H1	07/02/2025 đến 28/02/2025	22
2	Đại tu khối tổ máy H1	01/11/2025 đến 30/11/2025	30
3	SCBD khối tổ máy H2	01/12/2025 đến 30/12/2025	30
4	SCBD khối tổ máy H2	02/03/2025 đến 08/03/2025	07
<b>Tổng cộng</b>			<b>89</b>

### B. Kế hoạch Sửa chữa lớn

Đvt: tỷ đồng

TT	Danh mục công trình	Kế hoạch 2025
<b>I</b>	<b>Phần thiết bị</b>	<b>9,92</b>
<b>1</b>	<b>Tổ máy H2</b>	<b>3,35</b>
<b>a</b>	<b>Tự làm</b>	<b>-</b>
<b>b</b>	<b>Thuê ngoài</b>	<b>3,35</b>
1	Phần thiết bị điện	-
1.1	Hệ thống rơ le bảo vệ tổ máy H2	-
1.2	Hệ thống điều khiển tổ máy H2	-
2	Phần cơ khí thủy lực	-
2.1	Hệ thống phanh tổ máy H2	3,35
<b>2</b>	<b>Tổ máy H1</b>	<b>6,57</b>
<b>a</b>	<b>Tự làm</b>	<b>2,34</b>
1	Phần thiết bị điện	1,22
2	Phần cơ khí thủy lực	1,12
<b>b</b>	<b>Thuê ngoài</b>	<b>4,23</b>
1	Phần thiết bị điện	-
1.1	Thay máy biến áp IT	-
2	Phần cơ khí thủy lực	4,23
2.1	Hệ thống phanh tổ máy H1	3,35

TT	Danh mục công trình	Kế hoạch 2025
2.2	Thử nghiệm hệ thống kích từ	0,88
<b>II</b>	<b>Phần công trình</b>	<b>16,61</b>
1	Hệ thống quang trắc tự động	<b>10,59</b>
2	SCL Đường vận hành NM ĐMT (Khu 1.1, 1.2 và số 6)	<b>6,02</b>
<b>Tổng cộng</b>		<b>26,53</b>

### C. Kế hoạch đầu tư mua sắm tài sản

Thực hiện đầu tư mua sắm tài sản các hạng mục như sau:

*Đvt: tỷ đồng*

Stt	Nội dung	Kế hoạch 2025
<b>I</b>	<b>Chuyển tiếp năm 2024</b>	<b>10,93</b>
1	Máy lọc dầu bôi trơn	4,41
2	Thiết bị giám sát rung đảo máy phát	4,71
3	Cung cấp, lắp đặt máy hút hơi dầu	1,81
<b>II</b>	<b>Kế hoạch năm 2025</b>	<b>17,64</b>
4	Hệ thống vô tuyến	1,90
5	Hệ thống lọc dầu điều tốc H1 và H2	2,48
6	Máy phay mặt bích	1,35
7	Máy siết bu lông	0,44
8	Máy phân tích thành phần kim loại	0,31
9	Máy đục lỗ thủy lực	0,10
10	Thiết bị phân tích khí SF6	1,05
11	Thiết bị kiểm tra buồng chân không máy cắt	0,60
12	Thiết bị thử nghiệm phân tích đáp ứng TS quét SFRA	1,05
13	Xe ô tô 7 chỗ	1,46
14	Hệ thống màn hình ghép	1,32
15	Đường dây 22kV đấu nối vào MBA T4	2,25
16	Hệ thống quản lý tuần tra thiết bị trong ca trực VH	0,65
17	Màn hình 85 inch + bộ máy tính mini trang bị phòng khách	0,12
18	Màn hình ghép led sân khấu hội trường khu B	1,32
19	Thay thế thiết bị bảo mật mạng tại Văn phòng Công ty	0,97
20	Tủ sấy	0,27
<b>Tổng cộng</b>		<b>28,57</b>



## D. Kế hoạch ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số

*Đvt: tỷ đồng*

Stt	Nội dung	Kế hoạch 2025
<b>I</b>	<b>Chuyển tiếp từ năm 2024</b>	<b>14,42</b>
1	Phần mềm Dự báo lưu lượng về hồ (ứng dụng công nghệ AI vào phần mềm dự báo lưu lượng nước về hồ thủy điện Thác Mơ)	0,95
2	Nâng cấp hạ tầng CNTT đáp ứng nhu cầu chuyển đổi số	5,40
3	Số hóa hồ sơ lưu trữ thư viện	2,48
4	Ứng dụng AI dự báo tình trạng bảo trì, bảo dưỡng nhà máy thủy điện (APM)	2,36
5	Nâng cấp Hệ thống Camera analog giám sát hiệu quả thiết bị công trình	3,22
<b>II</b>	<b>Kế hoạch năm 2025</b>	<b>1,28</b>
1	Tiền thưởng cho sáng kiến	0,20
2	Ứng dụng chạy trên IOS và Android phần mềm phục vụ SXKD - Giai đoạn 2	0,98
3	Chi phí cho công tác quản lý hoạt động KH-CN	0,10
<b>Tổng cộng</b>		<b>15,70</b>

## E. Kế hoạch đầu tư xây dựng

### I. Mục tiêu

1. Văn phòng làm việc Tp. Hồ Chí Minh: Thực hiện thủ tục đầu tư Văn phòng.
2. Dự án ĐMT Thác Mơ giai đoạn 2: Thực hiện thủ tục chuẩn bị đầu tư dự án Nhà máy điện mặt trời thác mơ giai đoạn 2 (100 MWp).
3. Nhà máy thủy điện TMMR: Tiếp tục thực hiện thủ tục đấu giá khi có chủ trương phê duyệt từ các cấp có thẩm quyền.
4. Các dự án nguồn điện khác: Tìm kiếm dự án và trình các cấp thẩm quyền thủ tục đầu tư các dự án có tiềm năng.
5. Nâng cấp hạ tầng mạng truyền dẫn viễn thông phục vụ giám sát và điều hành sản xuất tại Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ.

## II. Kế hoạch vốn

Đvt: tỷ đồng

Stt	Nội dung	Kế hoạch năm 2025 (tỷ đồng)		
		Vốn tự có	Vốn vay	Tổng
1	Văn phòng làm việc tại Tp.HCM (Chi phí mua đất)	147,000	-	147,000
2	Nâng cấp hạ tầng mạng truyền dẫn viễn thông phục vụ giám sát và điều hành sản xuất tại Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ	1,014		1,014
Tổng cộng		148,014	0	148,014

*Ghi chú: Cơ cấu nguồn vốn tự có/vay sẽ được Công ty cân đối các nguồn vốn, dòng tiền và đề xuất khi các cấp có thẩm quyền thông qua chủ trương.*

Trên đây là báo cáo của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ về kết quả sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2024 và kế hoạch năm 2025. Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét, thông qua.

*(Tờ trình này thay thế Tờ trình số 258/TTr-HĐQT ngày 03/04/2025 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ).*

Trân trọng./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, NPTQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Huỳnh Văn Khánh**

## Báo cáo Tài chính Hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠ

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

(Đã được kiểm toán)

M.9.0.

**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**

Khu 5, phường Thác Mơ, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước, Việt Nam

**NỘI DUNG**

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo Kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	09
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10-37



## **Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**

Khu 5, phường Thác Mơ, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước, Việt Nam

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

#### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ ("Công ty"), tiền thân là Nhà máy Thủy điện Thác Mơ, đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam – "EVN"), là một Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (GCNĐKDN) số 4403000108 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp ngày 01/01/2008 và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó. Hiện nay, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh gần nhất (lần thứ 9) số 3800311306 ngày 19/07/2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Khu 5, phường Thác Mơ, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước, Việt Nam.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Huỳnh Văn Khánh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Non	Thành viên
Ông Phạm Minh Trí	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Quyền	Thành viên
Ông Lê Tuấn Hải	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Văn Non	Tổng Giám đốc
Ông Đinh Văn Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hùng Lượng	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát của Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này gồm:

Bà Lê Nguyễn Khánh Linh	Trưởng ban
Bà Lai Lệ Hương	Thành viên
Bà Đoàn Sử Ngọc Trân	Thành viên

#### **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất này là Ông Nguyễn Văn Non – Tổng Giám đốc.

#### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

#### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;

**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**

Khu 5, phường Thác Mơ, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước, Việt Nam

- ▶ Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- ▶ Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- ▶ Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- ▶ Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Cam kết khác**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Nguyễn Văn Non**  
Tổng Giám đốc

Bình Phước, ngày 28 tháng 03 năm 2025



Số: 280325.057/BCTC.FIS1

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ được lập ngày 28 tháng 03 năm 2025, từ trang 06 đến trang 37 bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

### *Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc*

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### *Ý kiến của Kiểm toán viên*

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ đã được kiểm toán và kiểm toán bởi Kiểm toán viên và Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với các Báo cáo tài chính hợp nhất này tại ngày 26 tháng 03 năm 2024.



**Công ty TNHH  
Hàng Kiểm toán AASC**

**Đỗ Mạnh Cường**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0744-2023-002-1

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2025

**Trần Minh Đức**  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 4372-2022-002-1




**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

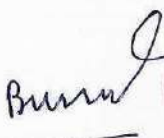
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>943.849.085.815</b>	<b>1.015.614.765.695</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>107.540.697.741</b>	<b>78.051.572.515</b>
111	1. Tiền		6.260.697.741	10.051.572.515
112	2. Các khoản tương đương tiền		101.280.000.000	68.000.000.000
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>4</b>	<b>455.000.000.000</b>	<b>246.500.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		455.000.000.000	246.500.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>379.061.800.107</b>	<b>688.726.138.901</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	353.036.356.857	636.443.574.342
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		511.484.963	1.135.510.241
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	25.513.958.287	51.147.054.318
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>		<b>563.315.610</b>	<b>727.990.195</b>
141	1. Hàng tồn kho	7	563.315.610	727.990.195
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>1.683.272.357</b>	<b>1.609.064.084</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	1.466.348.226	830.893.134
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	216.924.131	778.170.950
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>1.081.082.224.383</b>	<b>1.129.570.095.979</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>895.107.000</b>	<b>854.107.000</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	895.107.000	854.107.000
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>754.956.530.695</b>	<b>816.545.551.290</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	741.528.799.031	803.872.194.616
222	- Nguyên giá		3.262.556.211.498	3.228.600.055.060
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.521.027.412.467)	(2.424.727.860.444)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	13.427.731.664	12.673.356.674
228	- Nguyên giá		20.924.565.426	19.157.582.093
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(7.496.833.762)	(6.484.225.419)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>1.633.667.898</b>	-
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	1.633.667.898	-
<b>250</b>	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>4</b>	<b>310.559.218.390</b>	<b>296.178.320.455</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		144.699.218.390	145.318.320.455
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		150.860.000.000	150.860.000.000
255	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		15.000.000.000	-
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>13.037.700.400</b>	<b>15.992.117.234</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	8	10.555.751.140	12.999.134.454
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	25	552.369.150	770.502.535
263	3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		1.929.580.110	2.222.480.245
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>2.024.931.310.198</b>	<b>2.145.184.861.674</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024  
(Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>485.026.794.787</b>	<b>558.304.342.133</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>204.911.243.341</b>	<b>225.872.102.650</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	34.911.540.999	28.633.101.553
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	71.023.528.802	70.915.301.450
314	3. Phải trả người lao động		22.216.903.192	19.744.541.496
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	13	1.178.210.091	2.677.111.112
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	14	14.999.370.578	15.421.510.849
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17	51.903.956.580	57.853.956.580
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		8.677.733.099	30.626.579.610
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>280.115.551.446</b>	<b>332.432.239.483</b>
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	17	259.969.782.903	311.873.739.483
343	2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	15	20.145.768.543	20.558.500.000
<b>400</b>	<b>D. NGUỒN VỐN</b>		<b>1.539.904.515.411</b>	<b>1.586.880.519.541</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>18</b>	<b>1.539.904.515.411</b>	<b>1.586.880.519.541</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		700.000.000.000	700.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền		700.000.000.000	700.000.000.000
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		284.663.534.134	254.130.345.832
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		111.499.166.376	3.553.090.628
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		405.680.327.257	589.754.111.331
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước		181.325.906.127	62.371.270.570
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		224.354.421.130	527.382.840.761
429	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		38.061.487.644	39.442.971.750
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>2.024.931.310.198</b>	<b>2.145.184.861.674</b>

  
Hoàng Thị Thanh Thủy  
Người lập

  
Bùi Thị Kim Na  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Văn Non  
Tổng Giám đốc

Bình Phước, ngày 28 tháng 03 năm 2025





**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Năm 2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	763.629.129.418	854.040.208.371
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		763.629.129.418	854.040.208.371
11	4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	21	321.812.359.355	315.160.811.460
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		441.816.770.063	538.879.396.911
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	38.031.838.045	83.450.544.457
22	7. Chi phí tài chính		24.553.111.621	35.254.304.830
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		24.553.111.621	35.254.304.830
24	8. Phần lãi/(lỗ) trong công ty liên doanh, liên kết		29.620.897.935	20.660.410.246
25	9. Chi phí bán hàng		-	-
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	59.355.820.463	53.666.500.829
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		425.560.573.959	554.069.545.955
31	12. Thu nhập khác		51.778.980	370.284.815
32	13. Chi phí khác		-	-
40	14. Lợi nhuận khác		51.778.980	370.284.815
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		425.612.352.939	554.439.830.770
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	24	70.241.122.334	94.214.282.665
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	25	218.133.385	42.860.031
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		355.153.097.220	460.182.688.074
61	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ		350.354.421.130	454.984.320.354
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		4.798.676.090	5.198.367.720
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	26	5.005	6.500



Hoàng Thị Thanh Thủy  
Người lập



Bùi Thị Kim Na  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Non  
Tổng Giám đốc

Bình Phước, ngày 28 tháng 03 năm 2025

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Năm 2024

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		425.612.352.939	554.439.830.770
	2. Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định		97.846.735.115	92.762.457.017
05	(Lãi) từ hoạt động đầu tư		(67.679.514.960)	(104.110.954.703)
06	Chi phí lãi vay		24.553.111.621	35.254.304.830
08	3. Lãi từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		480.332.684.715	578.345.637.914
09	(Tăng)/Giảm các khoản phải thu		316.595.205.359	(347.562.551.521)
10	Giảm hàng tồn kho		457.574.720	1.232.490.701
11	Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay, thuế TNDN phải nộp)		5.841.175.539	(19.540.545.198)
12	(Tăng)/Giảm chi phí trả trước		1.728.186.742	(1.336.410.307)
14	Tiền lãi vay đã trả		(24.749.502.675)	(35.272.399.454)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(68.827.336.946)	(102.382.791.594)
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(21.087.163.456)	(20.036.645.785)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		690.290.823.998	53.446.784.756
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(37.813.354.200)	(33.473.576.917)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		26.778.980	-
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(589.000.000.000)	(263.500.000.000)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		365.500.000.000	769.000.000.000
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		247.300.000	-
27	4. Tiền lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		61.642.616.323	83.847.937.856
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(199.396.658.897)	555.874.360.939
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	3. Tiền thu từ đi vay		-	10.000.000.000
34	1. Tiền trả nợ gốc vay		(57.853.956.580)	(55.103.956.580)
36	2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(403.551.083.295)	(516.557.447.651)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(461.405.039.875)	(561.661.404.231)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		29.489.125.226	47.659.741.464
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	3	78.051.572.515	30.391.831.051
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	107.540.697.741	78.051.572.515

Hoàng Thị Thanh Thủy  
Người lập

Bùi Thị Kim Na  
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Non  
Tổng Giám đốc



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2024

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### a. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ ("Công ty"), tiền thân là Nhà máy Thủy điện Thác Mơ, đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam – "EVN"), là một Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (GCNĐKDN) số 4403000108 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp ngày 01/01/2008 và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó. Hiện nay, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh gần nhất (lần thứ 9) số 3800311306 ngày 19/07/2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Khu 5, phường Thác Mơ, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước, Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã cổ phiếu là TMP.

Tại ngày 31/12/2024, vốn điều lệ của Công ty là 700.000.000.000 VND, tương ứng 70.000.000 cổ phần với mệnh giá: 10.000 VND/cổ phần.

Tổng số nhân viên của toàn Công ty tại ngày 31/12/2024 là 157 người (tại ngày 01/01/2024 là 165 người).

#### b. Lĩnh vực và ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- ▶ Hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng;
- ▶ Quản lý vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa, cải tạo và lắp đặt các thiết bị điện, các công trình thủy công, công trình kiến trúc nhà máy điện;
- ▶ Đầu tư xây dựng các dự án nguồn điện; xây lắp đường dây và trạm biến áp.

#### c. Cấu trúc Công ty

Công ty có các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Hoạt động sản xuất kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Mỹ Hưng Tây Nguyên	Lâm Đồng, Việt Nam	Kinh doanh thủy điện	99,92%	100%
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắkrơsa	Gia Lai, Việt Nam	Kinh doanh thủy điện	61,17%	61,17%

### 2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### 2.1 Kỳ kế toán và đơn vị tiền tệ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam ("VND").

#### 2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng



Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

*Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

Công ty cũng áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp áp dụng cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam được Bộ Tài chính chấp thuận tại Văn bản số 12227/BTC-CĐKT ngày 3 tháng 9 năm 2015, hướng dẫn kế toán áp dụng cho đơn vị thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam do Tập đoàn Điện lực Việt Nam ban hành theo Văn bản số 1425/EVN-TCKT ngày 22 tháng 3 năm 2019 ("Chế độ kế toán EVN").

### **2.3 Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

### **2.4 Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm:

- ▶ Dự phòng phải thu khó đòi
- ▶ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho
- ▶ Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định
- ▶ Thời gian phân bổ chi phí trả trước
- ▶ Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính
- ▶ Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.



## **2.5 Công cụ tài chính**

### *Ghi nhận ban đầu*

#### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chí phí phát hành cộng các chí phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chí phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chí phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

## **2.6 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## **2.7 Các khoản đầu tư tài chính**

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Đối với việc điều chỉnh giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết phát sinh trong năm, Công ty thực hiện điều chỉnh giá trị khoản đầu tư tương ứng với phần sở hữu trong lãi, lỗ của công ty liên kết và ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Công ty. Các điều chỉnh thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty trong trường hợp cần thiết.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:



- ▶ Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- ▶ Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

## **2.8 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

## **2.9 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định bằng phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## **2.10 Tài sản cố định**

Tài sản cố định (hữu hình/ vô hình) được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.



Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao ước tính như sau:

▶ Nhà cửa và vật kiến trúc	10 – 25 năm
▶ Máy móc, thiết bị	05 – 12 năm
▶ Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 – 20 năm
▶ Thiết bị dụng cụ quản lý	03 – 10 năm
▶ Quyền sử dụng đất	29 – 34 năm
▶ Phần mềm máy vi tính	03 – 05 năm

## **2.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

## **2.12 Thuê hoạt động**

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

## **2.13 Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- ▶ Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.
- ▶ Chi phí trả trước khác gồm chi phí phần mềm, bảo hiểm, sửa chữa bảo trì,... được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian sử dụng hữu ích từ 1 đến 3 năm hoặc theo kỳ hạn hợp đồng.

## **2.14 Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

## **2.15 Vay**

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.



## **2.16 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

## **2.17 Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm tài chính nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: trích trước lãi vay phải trả, chi phí mua bán điện, bảo vệ công trình và các khoản chi phí phải trả khác được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm tài chính.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

## **2.18 Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

## **2.19 Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

### *Doanh thu bán điện*

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

Doanh thu bán điện được ghi nhận hàng tháng ngay sau khi sản lượng sản xuất phát lên lưới điện quốc gia có xác nhận của Công ty Mua bán Điện và Công ty Vận hành Hệ thống Điện và Thị trường Điện Quốc Gia ("NSMO").

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu hoạt động tài chính gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và doanh thu tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:



- ▶ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- ▶ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

## **2.20 Giá vốn hàng bán (điện) và dịch vụ cung cấp**

Giá vốn hàng bán (điện) và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm, kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

## **2.21 Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính và chi phí vay vốn.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

## **2.22 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

### **a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang năm sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Tài sản thuế TNDN hoãn lại được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành (20%).

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

### **b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

### **c) Chính sách ưu đãi thuế**

<u>Đơn vị</u>	<u>Văn bản</u>	<u>Tóm tắt các ưu đãi thuế</u>	<u>Hiệu lực</u>
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ	Điều 11, Điều 12 Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015	Được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong vòng 15 năm kể từ năm có doanh thu, miễn thuế TNDN 4 năm kể từ năm có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% trong 9 năm tiếp theo đối với thu nhập từ dự án.	Từ năm 2020



<u>Đơn vị</u>	<u>Văn bản</u>	<u>Tóm tắt các ưu đãi thuế</u>	<u>Hiệu lực</u>
Công ty Cổ phần Mỹ Hưng Tây Nguyên	Điều 11, Điều 12 Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015	Được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong vòng 15 năm kể từ năm có doanh thu, miễn thuế TNDN 4 năm kể từ năm có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% trong 9 năm tiếp theo đối với thu nhập từ dự án.	Từ năm 2015

*d) Thuế suất thuế TNDN hiện hành*

<u>Đơn vị</u>	<u>Thuế suất</u>
<b>Công ty mẹ</b>	
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ	Thuế suất 10% và được giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong năm đối với thu nhập của Dự án điện mặt trời.  Thuế suất 20% đối với các hoạt động không được ưu đãi thuế suất.
<b>Các công ty con</b>	
Công ty Cổ phần Mỹ Hưng Tây Nguyên	Thuế suất 10% và được giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong năm đối với thu nhập của Dự án thủy điện.  Thuế suất 20% đối với các hoạt động không được ưu đãi thuế suất.
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắkrosa	Thuế suất 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

## 2.23 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban Tổng Giám đốc) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

## 2.24 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- ▶ Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- ▶ Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- ▶ Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

## 2.25 Thông tin bộ phận

Do hoạt động của Công ty là sản xuất điện và đầu tư xây dựng các dự án điện. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

## 3. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	-	1.770.890
Tiền gửi ngân hàng	6.260.697.741	10.049.801.625
Các khoản tương đương tiền (*)	101.280.000.000	68.000.000.000
	<b>107.540.697.741</b>	<b>78.051.572.515</b>

(\*) Tại ngày 31/12/2024, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến 3 tháng có giá trị 101.280.000.000 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,0%/năm đến 4,4%/năm.

## 4. Các khoản đầu tư tài chính

### a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>455.000.000.000</b>	<b>246.500.000.000</b>
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	455.000.000.000	246.500.000.000
<b>b) Dài hạn</b>	<b>15.000.000.000</b>	-
Tiền gửi có kỳ hạn (**)	15.000.000.000	-
	<b>470.000.000.000</b>	<b>246.500.000.000</b>

(\*) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn tại ngày 31/12/2024 là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng đến 12 tháng có giá trị 455.000.000.000 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,2%/năm đến 5,0%/năm.

(\*\*) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn tại ngày 31/12/2024 là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 15 tháng có giá trị 15.000.000.000 VND được gửi tại ngân hàng thương mại với lãi suất 5,0%/năm.



**b) Đầu tư vào công ty liên kết**

	31/12/2024				01/01/2024		
	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu
	%	%	%	VND	%	%	VND
Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	Bình Thuận Việt Nam	20,00	20,00	143.501.142.872	20,00	20,00	143.880.244.937
Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác hồ Thủy điện Thác Mơ (*)	Bình Phước Việt Nam	29,00	29,00	1.198.075.518	35,00	35,00	1.438.075.518
				<b>144.699.218.390</b>			<b>145.318.320.455</b>

(\*) Nghị quyết số 1167/NQ-HĐQT ngày 31/12/2024 của Hội đồng Quản trị thông qua kết quả thực hiện chuyển nhượng phần vốn góp của Công ty đầu tư tại Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Hồ thủy điện Thác Mơ. Chi tiết:

- Về số lượng cổ phần: tại ngày 01/01/2024 là 140.000 cổ phần (tỷ lệ sở hữu 35%), tại ngày 31/12/2024 là 116.000 cổ phần (tỷ lệ sở hữu 29%).
- Công ty đã thực hiện chuyển nhượng 24.000 cổ phần, tương đương 6% vốn điều lệ đang nắm giữ tại Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Hồ thủy điện Thác Mơ theo phương thức bán đấu giá công khai cho Công ty TNHH Cơ điện Miền Đông với giá trị chuyển nhượng 247.300.000 VND.

**c) Đầu tư vào đơn vị khác**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	149.580.000.000	-	149.580.000.000	-
Công ty Cổ phần Cơ điện Điện lực Đồng Nai	1.280.000.000	-	1.280.000.000	-
	<b>150.860.000.000</b>	<b>-</b>	<b>150.860.000.000</b>	<b>-</b>

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**5. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>Bên liên quan</b>	<b>350.458.376.390</b>	<b>633.073.888.956</b>
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	319.091.273.265	594.165.802.173
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	19.514.903.847	14.797.815.776
Ban Quản lý Dự án Thủy điện 6	791.199.395	10.098.878.797
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	5.666.941.466	9.075.041.683
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	5.394.058.417	4.936.350.527
<b>Bên khác</b>	<b>2.577.980.467</b>	<b>3.369.685.386</b>
	<b>353.036.356.857</b>	<b>636.443.574.342</b>

**6. Phải thu khác**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
<b>a.1) Chi tiết theo nội dung</b>		
Lãi dự thu và cho vay	5.944.872.973	2.937.951.251
Cổ tức được chia	13.500.000.000	10.125.000.000
Các khoản chi hộ	317.593.516	34.474.592.805
Phải thu khác	5.751.491.798	3.609.510.262
	<b>25.513.958.287</b>	<b>51.147.054.318</b>
<b>a.2) Chi tiết theo đối tượng</b>		
<b>Bên liên quan</b>	<b>13.817.593.516</b>	<b>44.599.592.805</b>
Ban quản lý Dự án Thủy điện 6	-	27.267.692.037
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	13.500.000.000	10.125.000.000
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	52.064.416	7.206.900.768
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ	40.945.950	-
Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương	122.837.850	-
Công ty Thủy điện Quảng Trị	101.745.300	-
<b>Bên khác</b>	<b>11.696.364.771</b>	<b>6.547.461.513</b>
	<b>25.513.958.287</b>	<b>51.147.054.318</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Ký cược, ký quỹ	895.107.000	854.107.000
	<b>895.107.000</b>	<b>854.107.000</b>



**7. Hàng tồn kho**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Nguyên liệu vật liệu	563.160.410	562.671.202
Công cụ, dụng cụ	155.200	155.200
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	165.163.793
	<b>563.315.610</b>	<b>727.990.195</b>

**8. Chi phí trả trước**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Chi phí phần mềm	347.373.875	197.250.000
Bảo hiểm	617.061.714	433.727.737
Khác	501.912.637	199.915.397
	<b>1.466.348.226</b>	<b>830.893.134</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Chi phí thuê đất (Thuyết minh 17)	3.045.071.596	3.124.813.076
Chi phí sửa chữa bảo trì	3.610.569.041	8.922.531.994
Khác	3.900.110.503	951.789.384
	<b>10.555.751.140</b>	<b>12.999.134.454</b>

**9. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Tại ngày 01/01/2024	1.749.804.666.518	1.256.871.953.699	184.181.880.782	37.741.554.061	3.228.600.055.060
Mua mới	435.238.075	23.630.428.531	5.484.762.114	3.691.458.763	33.241.887.483
Tăng khác	1.170.815.486	-	-	-	1.170.815.486
Thanh lý	-	-	(394.342.491)	(62.204.040)	(456.546.531)
<b>Tại ngày 31/12/2024</b>	<b>1.751.410.720.079</b>	<b>1.280.502.382.230</b>	<b>189.272.300.405</b>	<b>41.370.808.784</b>	<b>3.262.556.211.498</b>
<b>Hao mòn lũy kế</b>					
Tại ngày 01/01/2024	1.439.046.522.715	835.513.162.468	135.167.182.908	15.000.992.353	2.424.727.860.444
Khấu hao trong năm	24.304.428.652	62.601.749.313	5.766.236.592	4.083.683.997	96.756.098.554
Thanh lý	-	-	(394.342.491)	(62.204.040)	(456.546.531)
<b>Tại ngày 31/12/2024</b>	<b>1.463.350.951.367</b>	<b>898.114.911.781</b>	<b>140.539.077.009</b>	<b>19.022.472.310</b>	<b>2.521.027.412.467</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày 01/01/2024	310.758.143.803	421.358.791.231	49.014.697.874	22.740.561.708	803.872.194.616
<b>Tại ngày 31/12/2024</b>	<b>288.059.768.712</b>	<b>382.387.470.449</b>	<b>48.733.223.396</b>	<b>22.348.336.474</b>	<b>741.528.799.031</b>

- ▶ Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là: 1.958.531.784.968 VND.
- ▶ Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 389.803.025.277 VND.

#### 10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất (*) VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Tại ngày 01/01/2024	16.325.753.650	2.831.828.443	19.157.582.093
Mua mới	-	1.766.983.333	1.766.983.333
<b>Tại ngày 31/12/2024</b>	<b>16.325.753.650</b>	<b>4.598.811.776</b>	<b>20.924.565.426</b>
<b>Hao mòn lũy kế</b>			
Tại ngày 01/01/2024	5.807.923.634	676.301.785	6.484.225.419
Khấu hao trong năm	508.473.744	504.134.599	1.012.608.343
<b>Tại ngày 31/12/2024</b>	<b>6.316.397.378</b>	<b>1.180.436.384</b>	<b>7.496.833.762</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 01/01/2024	10.517.830.016	2.155.526.658	12.673.356.674
<b>Tại ngày 31/12/2024</b>	<b>10.009.356.272</b>	<b>3.418.375.392</b>	<b>13.427.731.664</b>

- ▶ Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình đã dùng để chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 1.063.128.263 VND.
- ▶ Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là : 227.480.000 VND.

(\*) Quyền sử dụng đất lâu dài của Công ty mẹ và các Công ty con tại:

- ▶ Thửa đất số 12, phường Long Thủy, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước, thời hạn sử dụng đến ngày 15/10/2043.
- ▶ Thửa đất số 55, khu phố 6, thị trấn Thác Mơ, huyện Phước Long, tỉnh Bình Phước, thời hạn sử dụng đến 15/10/2043.
- ▶ Thửa đất số 34, 117 Lê Đại Hành, phường Đồng Đa, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Thời hạn sử dụng đối với đất trồng cây lâu năm, đất thương mại, dịch vụ đến năm 2043. Thời hạn sử dụng đối với đất cơ sở sản xuất kinh doanh đến 03/04/2058.
- ▶ Xã Ngọc Tụ, xã Đắc Trăm, huyện Đắc Tô, tỉnh Kon Tum. Thời hạn sử dụng đến 16/10/2057.
- ▶ Thôn Đăk Chờ, huyện Đắc Tô, tỉnh Kon Tum. Thời hạn sử dụng đến 13/10/2040.
- ▶ Thôn 6, xã Kon Đào, huyện Đắc Tô, tỉnh Kon Tum. Thời hạn sử dụng đến 13/10/2040.

#### 11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Tại ngày 31/12/2024, Chi phí xây dựng cơ bản dở dang với số tiền 1.633.667.898 VND là giá trị thiết bị lắp đặt, đang chờ thử nghiệm và nối vào lưới 22kV của địa phương theo Hợp đồng Cung cấp lắp đặt và thử nghiệm số 16-TB/2024/HĐ-TMP-KHVT.



**12. Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>Bên liên quan</b>	<b>5.834.601.248</b>	<b>4.548.290.279</b>
Công ty Cổ Phần Tư vấn Xây dựng Điện 3	4.570.560.000	3.730.909.091
Công ty Viễn thông Điện lực và Công nghệ thông tin	-	304.583.145
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ	-	298.506.655
Công ty Cổ Phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	577.972.372	138.972.373
Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương	-	48.195.646
Công ty Thí nghiệm Điện Miền Nam	17.268.876	27.123.369
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng điện 4	668.800.000	-
<b>Bên khác</b>	<b>29.076.939.751</b>	<b>24.084.811.274</b>
Công ty TNHH Đồng Tâm Đà Lạt	2.372.014.360	4.339.761.591
Công ty TNHH Dịch vụ thương mại Sản xuất Xây dựng Bình Phước	1.473.696.983	1.937.689.707
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ Vận tải Trường Hải – Bình Phước	2.415.000.000	-
Công ty 789 - Bộ quốc phòng	1.102.139.189	1.102.139.189
Khác	21.714.089.219	16.705.220.787
	<b>34.911.540.999</b>	<b>28.633.101.553</b>

**13. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Lãi vay	506.437.974	702.829.028
Khác	671.772.117	1.974.282.084
	<b>1.178.210.091</b>	<b>2.677.111.112</b>

**14. Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Cổ tức phải trả	13.587.257.016	13.736.537.711
Khác	1.412.113.562	1.684.973.138
	<b>14.999.370.578</b>	<b>15.421.510.849</b>

**15. Quỹ phát triển khoa học công nghệ**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Số dư đầu năm	20.558.500.000	20.700.000.000
Sử dụng quỹ	(412.731.457)	(141.500.000)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>20.145.768.543</b>	<b>20.558.500.000</b>



**16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	01/01/2024		Phát sinh		31/12/2024	
	Số phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Số phải nộp	Số phải thu	Số phải nộp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	3.881.804.609	53.945.304.502	52.708.347.415	-	2.644.847.522
Phí dịch vụ môi trường rừng	-	7.423.287.696	29.360.357.928	29.760.708.816	-	7.823.638.584
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	54.559.486.327	68.827.336.946	70.241.122.334	28.698.024	56.001.969.739
Thuế thu nhập cá nhân	315.637.250	1.124.681.208	8.253.577.433	7.257.347.368	188.226.107	1.040.000
Thuế tài nguyên	-	3.926.041.610	83.365.835.398	83.991.826.745	-	4.552.032.957
Phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước	-	-	9.445.047.000	9.445.047.000	-	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	462.533.700	-	1.194.550.161	1.657.083.861	-	-
Các khoản phải nộp khác	-	-	12.000.000	12.000.000	-	-
	<b>778.170.950</b>	<b>70.915.301.450</b>	<b>254.404.009.368</b>	<b>255.073.483.539</b>	<b>216.924.131</b>	<b>71.023.528.802</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**17. Vay**

		01/01/2024	Phát sinh		31/12/2024
		Giá trị	Tăng	Giảm	Giá trị
		VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>					
<b>Các khoản vay ngắn hạn</b>					
		2.000.000.000	-	2.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Gia Lai		2.000.000.000	-	2.000.000.000	-
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>					
		55.853.956.580	51.903.956.580	55.853.956.580	51.903.956.580
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	(1)	50.853.956.580	50.853.956.580	50.853.956.580	50.853.956.580
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Gia Lai	(2)	1.000.000.000	1.050.000.000	1.000.000.000	1.050.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Phước		4.000.000.000	-	4.000.000.000	-
		57.853.956.580	51.903.956.580	57.853.956.580	51.903.956.580
<b>b) Dài hạn</b>					
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	(1)	355.977.696.063	-	50.853.956.580	305.123.739.483
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Gia Lai	(2)	7.750.000.000	-	1.000.000.000	6.750.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Phước		4.000.000.000	-	4.000.000.000	-
		367.727.696.063	-	55.853.956.580	311.873.739.483
Khoản đến hạn trả trong 12 tháng		55.853.956.580	51.903.956.580	55.853.956.580	51.903.956.580
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng		311.873.739.483			259.969.782.903

## 17. Vay (tiếp)

Điều khoản và điều kiện của khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Lãi suất năm %/năm	Ngày đáo hạn	Mục đích vay	Hình thức bảo đảm	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
(1) Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	Lãi suất tiết kiệm 12 tháng + 2-2,3%	21/10/2030	Xây dựng Nhà máy Điện mặt trời Thác Mơ	Một phần tài sản cố định hữu hình tại nhà máy Thủy điện Thác Mơ (Thuyết minh 9)	305.123.739.483	355.977.696.063
(2) Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Gia Lai	Lãi suất tiết kiệm 12 tháng + 2,4%	30/08/2030	Nâng cấp thiết bị Nhà máy thủy điện Đăkrosa	Quyền sử dụng đất (Thuyết minh 10) và tài sản gắn liền với đất (Thuyết minh 9)	6.750.000.000	7.750.000.000
					<b>311.873.739.483</b>	<b>363.727.696.063</b>

Các khoản vay từ ngân hàng đã được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ.



18. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển ("ĐTPT") VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng VND
<b>Tại ngày 01/01/2023</b>	<b>700.000.000.000</b>	<b>56.454.368.091</b>	<b>294.484.564.126</b>	<b>594.233.893.080</b>	<b>42.774.389.670</b>	<b>1.687.947.214.967</b>
Lợi nhuận năm trước	-	-	-	454.984.320.354	5.198.367.720	460.182.688.074
Trích lập quỹ ĐTPT	-	-	39.445.912	(39.445.912)	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(41.719.597.860)	(763.393.140)	(42.482.991.000)
Chia cổ tức	-	-	-	(511.000.000.000)	(7.766.392.500)	(518.766.392.500)
Đầu tư Dự án Nhà máy Điện mặt trời bằng quỹ ĐTPT	-	177.746.308.461	(177.746.308.461)	-	-	-
Mua sắm tài sản cố định bằng quỹ ĐTPT	-	19.929.669.280	(19.929.669.280)	-	-	-
Hoàn nhập quỹ ĐTPT	-	-	(93.294.941.669)	93.294.941.669	-	-
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>	<b>700.000.000.000</b>	<b>254.130.345.832</b>	<b>3.553.090.628</b>	<b>589.754.111.331</b>	<b>39.442.971.750</b>	<b>1.586.880.519.541</b>
Lợi nhuận năm nay	-	-	-	350.354.421.130	4.798.676.090	355.153.097.220
Trích lập quỹ ĐTPT (*)	-	-	138.479.264.050	(138.479.264.050)	-	-
Đầu tư TSCĐ bằng quỹ ĐTPT	-	30.533.188.302	(30.533.188.302)	-	-	-
Hoàn nhập/(Trích lập) quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	1.861.058.846	(588.357.596)	1.272.701.250
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	-	(397.810.000.000)	(5.591.802.600)	(403.401.802.600)
<b>Tại ngày 31/12/2024</b>	<b>700.000.000.000</b>	<b>284.663.534.134</b>	<b>111.499.166.376</b>	<b>405.680.327.257</b>	<b>38.061.487.644</b>	<b>1.539.904.515.411</b>



(\*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 02/NQ-TMP-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 04 năm 2024 và các Nghị quyết khác của Đại hội đồng cổ đông của các Công ty con, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2023, 2024 như sau:

Phân phối lợi nhuận	Tại Công ty mẹ (1) VND	Các công ty con phân phối cho		Cộng (3) = (1) + (2) VND	Trong đó đã tạm phân phối trong năm 2023 VND
		Công ty mẹ	Cổ đông không		
		(2) VND	kiểm soát VND		
Trích Quỹ Đầu tư phát triển	134.401.264.050	4.078.000.000	-	138.479.264.050	-
Trích lập/ (Hoàn nhập) quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng người quản lý, kiểm soát viên (**)	(3.872.915.250)	2.011.856.404	588.357.596	(1.272.701.250)	19.460.001.500
Chi trả cổ tức	628.810.000.000	19.808.197.400	5.591.802.600	654.210.000.000	357.000.000.000

(\*\*) Trong năm, Công ty hoàn nhập quỹ khen thưởng phúc lợi số tiền 3.872.915.250 VND do số tạm trích năm trước lớn hơn so với số được phê duyệt theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 02/NQ-TMP-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2024.

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2024	Tỷ lệ	01/01/2024	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Phát điện 2	363.415.000.000	51,92	363.415.000.000	51,92
- Công ty Cổ phần				
Công ty TNHH Năng lượng REE	298.437.400.000	42,63	298.437.400.000	42,63
Các cổ đông khác	38.147.600.000	5,45	38.147.600.000	5,45
	<b>700.000.000.000</b>	<b>100</b>	<b>700.000.000.000</b>	<b>100</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Vốn đầu tư của Chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	700.000.000.000	700.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	700.000.000.000	700.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	13.736.537.711	11.527.592.862
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	403.401.802.600	518.766.392.500
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	277.401.802.600	161.766.392.500
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm nay	126.000.000.000	357.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	403.551.083.295	516.557.447.651
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	13.587.257.016	13.736.537.711
+ Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả bằng tiền	13.587.257.016	13.736.537.711

**d. Cổ phiếu**

	31/12/2024	01/01/2024
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	70.000.000	70.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	70.000.000	70.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	70.000.000	70.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	70.000.000	70.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	70.000.000	70.000.000

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/ cổ phiếu.

**e. Các quỹ của Công ty**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	111.499.166.376	3.553.090.628

## 19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

### Tài sản thuê ngoài

Công ty hiện đang thuê tài sản theo các hợp đồng thuê sau:

- ▶ Hợp đồng thuê văn phòng số HD596/et/REE/22 ngày 15/04/2022 với Công ty TNHH Quản lý và Khai Thác Bất Động Sản R.E.E, thuê một phần tòa nhà Etown 1, để sử dụng làm nhà văn phòng. Thời hạn thuê là 5 năm kể từ ngày 20/05/2022 đến 19/05/2027. Đơn vị thanh toán tiền thuê văn phòng theo quý.
- ▶ Công ty có các hợp đồng thuê đất tại tỉnh Bình Phước, tỉnh Lâm Đồng, tỉnh Gia Lai, tỉnh Kon Tum sử dụng để xây dựng công trình thủy điện, nhà máy Điện mặt trời. Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

## 20. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu bán điện	747.967.022.575	838.642.290.880
Doanh thu cung cấp dịch vụ	15.536.000.629	15.397.917.491
Doanh thu khác	126.106.214	-
	<b>763.629.129.418</b>	<b>854.040.208.371</b>
<b>Trong đó, doanh thu từ bên liên quan</b>	<b>757.684.072.227</b>	<b>846.634.674.125</b>
Xem thông tin tại Thuyết minh 30		

## 21. Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Giá vốn bán điện	309.060.585.392	301.012.989.919
Giá vốn cung cấp dịch vụ	12.751.773.963	14.147.821.541
	<b>321.812.359.355</b>	<b>315.160.811.460</b>
<b>Trong đó, mua hàng từ bên liên quan</b>	<b>10.992.204.097</b>	<b>7.698.758.200</b>
Xem thông tin tại Thuyết minh 30		

## 22. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	14.294.538.045	42.803.544.457
Lãi do chuyển nhượng các khoản đầu tư	7.300.000	-
Cổ tức được chia	23.730.000.000	40.647.000.000
	<b>38.031.838.045</b>	<b>83.450.544.457</b>
<b>Trong đó, doanh thu tài chính từ bên liên quan</b>	<b>23.730.000.000</b>	<b>40.605.000.000</b>
Xem thông tin tại Thuyết minh 30		



**23. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	19.281.169.348	20.461.258.192
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.564.486.140	2.712.508.221
Thuế phí và lệ phí	567.224.400	382.002.099
Chi phí khác	35.942.940.575	30.110.732.317
	<b>59.355.820.463</b>	<b>53.666.500.829</b>

**24. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ	66.233.196.563	89.705.200.440
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại các Công ty con	4.007.925.771	4.509.082.225
- Công ty Cổ phần Mỹ Hưng Tây Nguyên	531.301.976	978.428.586
- Công ty Cổ phần Thủy điện Đắkrosa	3.476.623.795	3.530.653.639
	<b>70.241.122.334</b>	<b>94.214.282.665</b>

**25. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

**a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	552.369.150	770.502.535
	<b>552.369.150</b>	<b>770.502.535</b>

**b) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	218.133.385	42.860.031
	<b>218.133.385</b>	<b>42.860.031</b>

## 26. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	350.354.421.130	454.984.320.354
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	350.354.421.130	454.984.320.354
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	70.000.000	70.000.000
	<b>5.005</b>	<b>6.500</b>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban Tổng Giám đốc trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tại ngày 31/12/2024, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

## 27. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Thuế tài nguyên, phí dịch vụ môi trường rừng và phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước	123.197.582.561	118.181.726.708
Chi phí nhân công	48.355.100.998	51.236.428.920
Chi phí khấu hao tài sản cố định	97.766.993.635	92.762.457.017
Chi phí khác	111.848.502.624	106.646.699.644
	<b>381.168.179.818</b>	<b>368.827.312.289</b>

## 28. Công cụ tài chính

### Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

### Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải rủi ro thị trường liên quan đến biến động lãi suất.

### Rủi ro về lãi suất

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.



*Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
<b>31/12/2024</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	107.540.697.741	-	107.540.697.741
Phải thu khách hàng, phải thu khác	378.550.315.144	895.107.000	379.445.422.144
Các khoản cho vay, tiền gửi có kỳ hạn	455.000.000.000	15.000.000.000	470.000.000.000
	<b>941.091.012.885</b>	<b>15.895.107.000</b>	<b>956.986.119.885</b>
<b>01/01/2024</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	78.049.801.625	-	78.049.801.625
Phải thu khách hàng, phải thu khác	687.590.628.660	854.107.000	688.444.735.660
Các khoản cho vay, tiền gửi có kỳ hạn	246.500.000.000	-	246.500.000.000
	<b>1.012.140.430.285</b>	<b>854.107.000</b>	<b>1.012.994.537.285</b>

*Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
<b>31/12/2024</b>			
Vay và nợ	51.903.956.580	259.969.782.903	311.873.739.483
Phải trả người bán, phải trả khác	49.910.911.577	-	49.910.911.577
Chi phí phải trả	1.178.210.091	-	1.178.210.091
	<b>102.993.078.248</b>	<b>259.969.782.903</b>	<b>362.962.861.151</b>
<b>01/01/2024</b>			
Vay và nợ	57.853.956.580	311.873.739.483	369.727.696.063
Phải trả người bán, phải trả khác	44.054.612.402	-	44.054.612.402
Chi phí phải trả	2.677.111.112	-	2.677.111.112
	<b>104.585.680.094</b>	<b>311.873.739.483</b>	<b>416.459.419.577</b>



Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

## 29. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

## 30. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan của Công ty và mối quan hệ như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty mẹ cao nhất
Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần	Công ty mẹ
Công ty TNHH Năng lượng R.E.E	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Hồ thủy điện Thác Mơ	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	Công ty liên kết
Ban Quản lý Dự án Thủy điện 6	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Cơ điện Điện lực Đồng Nai	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng điện 2 ("PECC2")	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 ("PECC3")	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng điện 4 ("PECC4")	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Điện lực Bình Phước - Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Điện gió REE Trà Vinh	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Thí nghiệm Điện lực TP. Hồ Chí Minh	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Thí nghiệm Điện Miền Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Thủy điện Quảng Trị	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Thủy điện Sông Bung	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Thủy điện Tuyên Quang	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Viễn Thông Điện lực và Công nghệ thông tin	Công ty trong cùng Tập đoàn
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam TNHH (EVNSPC)	Công ty trong cùng Tập đoàn
Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty trong cùng Tập đoàn
Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát	

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch khác phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
<b>Bán điện và cung cấp dịch vụ</b>	<b>757.684.072.227</b>	<b>846.634.674.125</b>
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	747.294.193.741	837.961.583.508
Tập đoàn Điện Lực Việt Nam	9.447.738.253	8.348.409.864
Công ty Điện lực Bình Phước - Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	318.019.518	324.680.753
Công ty TNHH Điện gió REE Trà Vinh	599.031.109	-
Công ty Thủy điện Tuyên Quang	25.089.606	-

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
<b>Mua hàng</b>	<b>10.992.204.097</b>	<b>7.698.758.200</b>
Công ty Điện lực Bình Phước - Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	4.274.165.732	3.939.629.600
Công ty Cổ phần Cơ điện Điện lực Đồng Nai	220.000.000	-
Công ty Thủy điện Sông Bung	382.754.043	-
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam TNHH (EVNSPC)	174.943.304	-
Công ty Viễn Thông Điện lực và Công nghệ thông tin	304.583.145	304.583.145
Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh	192.239.355	-
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 ("PECC3")	4.417.777.778	3.454.545.455
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng điện 4 ("PECC4")	619.259.259	-
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng điện 2 ("PECC2")	406.481.481	-
<b>Cổ tức được chia</b>	<b>23.730.000.000</b>	<b>40.605.000.000</b>
Công ty CP Nhiệt điện Quảng Ninh	23.625.000.000	40.500.000.000
Công ty Cổ phần Cơ điện Điện lực Đồng Nai	105.000.000	105.000.000
<b>Chia cổ tức</b>	<b>376.130.718.920</b>	<b>483.152.252.000</b>
Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần	206.528.744.500	265.292.950.000
Công ty TNHH Năng Lượng REE	169.601.974.420	217.859.302.000

Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong năm như sau:

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
<b>Hội đồng quản trị</b>	<b>2.161.519.000</b>	<b>2.013.688.000</b>
Ông Huỳnh Văn Khánh	692.620.000	872.256.000
Ông Nguyễn Văn Non	663.643.000	836.482.000
Ông Nguyễn Quang Quyền	107.172.000	96.000.000
Ông Lê Tuấn Hải	107.172.000	96.000.000
Ông Nguyễn Lê Hoàng (Miễn nhiệm ngày 22/12/2023)	-	93.419.000
Ông Phạm Minh Trí	590.912.000	19.531.000
<b>Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng</b>	<b>1.723.298.000</b>	<b>2.169.191.000</b>
Ông Nguyễn Hùng Lượng	590.912.000	743.954.000
Ông Đinh Văn Sơn	590.912.000	743.954.000
Bùi Thị Kim Na	541.474.000	681.283.000
<b>Ban kiểm soát</b>	<b>825.718.000</b>	<b>964.288.000</b>
Bà Lê Nguyễn Khánh Linh	611.374.000	408.360.504
Ông Hồ Thành Công (Miễn nhiệm ngày 22/06/2023)	-	363.927.496
Bà Lai Lệ Hương	107.172.000	96.000.000
Bà Đoàn Sử Ngọc Trân	107.172.000	96.000.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

### 31. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam kiểm toán.



**32. Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất**


Báo cáo tài chính hợp nhất này đã được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và chấp thuận phát hành vào ngày 28 tháng 03 năm 2025.



Hoàng Thị Thanh Thủy  
Người lập



Bùi Thị Kim Na  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Văn Non  
Tổng Giám đốc

Bình Phước, ngày 28 tháng 03 năm 2025

